

広州地下鉄 1 4 号線 駅名 1/2

No	駅名	メモ
1	dōng fēng zhàn 东风站	
2	cóng huà kè yùn zhàn 从化客运站	
3	chì cǎo zhàn 赤草站	
4	shén gǎng zhàn 神岗站	
5	tài píng zhàn 太平站	
6	xīn hé zhàn 新和站	
7	mǎ lì zhàn 马沥站	
8	zhōng luò tán zhàn 钟落潭站	
9	zhú liào zhàn 竹料站	
10	tài hé zhàn 太和站	
11	xià liáng zhàn 夏良站	

広州地下鉄 1 4 号線 駅名 2/2

No	駅名	メモ
12	bái yún dōng píng zhàn 白云东平站	
13	jiā hé wàng gǎng zhàn 嘉禾望岗站	
14	hóng wèi zhàn 红卫站	
15	xīn nán zhàn 新南站	
16	fēng xià zhàn 枫下站	
17	zhī shi chéng zhàn 知识城站	
18	hé táng xià zhàn 何棠下站	
19	wàng cūn zhàn 旺村站	
20	tāng cūn zhàn 汤村站	
21	zhèn lóng běi zhàn 镇龙北站	
22	zhèn lóng zhàn 镇龙站	